

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T H
THNH PHỐ H N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2020/HS-ST**
Ngày: 10-01-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Bình
Bà PhA Thị Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy-Thư ký Tòa án nhân dân quận T H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T H tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn ThAh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T H, THnh phố H N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 215/2019/HSST ngày 10/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2019/QĐXXST-HS ngày 12/12/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/HSST-QĐ ngày 31/12/2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Tấn T, sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú: Số 85 TT nH máy điện Y P, phường Y P, quận T H, H N; Chỗ ở: Không có nơi ở cố định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đức B (đã chết) và bà Bùi Thị TH; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; DAh chỉ bản số 000000236, Công A quận T H lập ngày 27/5/2019; Tiền án: Có 02 tiền án;

-Bản án số 115/2017/HSST ngày 29/8/2017, Tòa án nhân dân (TAD) quận T H xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp T sản, chấp Hnh xong hình phạt tù ngày 02/9/2018, chưa được xóa án tích.

-Bản án số 179/2019/HSST ngày 16/9/2019, TAD quận Hoàn Kiếm xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp T sản, thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2019, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2004 công A TP H N xử phạt Hnh chính về Hnh vi gây rối trật tự công cộng; Năm 2013 cai nghiện bắt buộc: Ngoài thời hiệu.

Hiện đang chấp Hnh án phạt tù theo Quyết định thi Hnh án tù số 196/2019/QĐ-CA ngày 23/10/2019 của TAD quận Hoàn Kiếm, có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Tùng G, sinh năm 1988; Hộ khẩu thường trú: Số 22 A THnh, phường Y P, quận T H, H N; Chỗ ở: Số 5, ngõ 128, A D, phường Y P, quận T H, H N; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Như H và bà Phạm Thị Đ; Vợ: Nguyễn Thùy L, có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; DAh chỉ bản số 000000194, Công A quận T H lập ngày 30/4/2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 01/8/2012 Công A phường Ngọc H xử phạt Hnh chính về Hnh vi tàng trữ vũ khí thô sơ, ngoài thời hiệu.

Bị cáo đầu thú, tạm giữ từ ngày 28/4/2019 đến ngày 07/5/2019, hiện đAg bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: +/Ông D Văn C, sinh năm 1967; Hộ khẩu thường trú: D S, HĐ, H3ện T, tỉnh V; Chỗ ở: Số nH 24, ngõ 20, phố Q, phường A, quận T H, H N, có mặt.

+/Ah Lê Đức D, sinh năm 1994; Hộ khẩu thường trú: Công Lý, Lý N, H N; Chỗ ở: Số ...Hoàng Như T, phường, quận LB, H N, vắng mặt.

+/Chị Nguyễn Kim H, sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú: Số 7, ngõ 13 Âu Cơ, phường Quảng A, quận T H, H N; Chỗ ở: Số 14C hẻm 172/24/21 ngõ 21, đường nước Phân LA, phường Tứ Liên, quận T H, H N, xin vắng mặt.

+/Ah Lê Đình P, sinh năm 1994; Hộ khẩu thường trú: Tổ 2, cụm Sòi, phường Nhân Chính, quận ThAh Xuân, H N; Chỗ ở: Số .., ngách 72/73/40 ngõ 73, HN, phường Nhân Chính, quận ThAh Xuân, H N, xin vắng mặt.

+/Ah Vũ Đức H3, sinh năm 1991; Hộ khẩu thường trú: Đ QuAg, Đ Hưng, Thái Bình; chỗ ở: Ngõ 254 Minh Khai, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, H N, xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA:

+/Ah Nguyễn THnh Đ, sinh năm 1997; Hộ khẩu thường trú: Số 7, ngõ 72, Tôn Thất Tùng, phường Khương Thượng, quận Đống Đa, H N, có mặt.

+/Ah Ngô Văn H1, sinh năm 1991; Hộ khẩu thường trú: 63 C7 A D, phường Y P, quận T H, H N; Chỗ ở: Số 60, ngõ 76 A D, phường Y P, quận T H, H N, xin vắng mặt.

NỘI DNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, N Dng vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tấn T và Phạm Tùng là bạn bè xã hội, để có tiền tiêu xài cá nhân, từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 04 năm 2019, T, G đã thực hiện các vụ trộm cắp T sản như sau:

Vụ thứ 1: Ngày 19/02/2019, G điều khiển xe máy Dream không biển kiểm soát (BKS) của T, chở T đi lAg thAg, mục đích trộm cắp T sản. Khi đến bãi trông giữ xe (ngõ 20 phố Quảng Khánh, phường Quảng A, quận T H, H N), không có người trông giữ. T bảo G đứng ngoài cánh giới, T đi bộ vào trong, dùng vạm mAg sẵn trong người, phá ổ khóa, lấy trộm chiếc xe máy Wave BKS: 29E1- 929.59. Số khung (SK), số máy (SM):609567/5609609) của ông D Văn C. Sau đó, T đem bán chiếc xe trên cho một người P nữ tên “Béo” (hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch) ở khu vực vườn H Nguyễn Biểu, quận Ba Đình, H N với giá 3.000.000đồng, T chia cho G 1.500.000đồng. Cơ quA cảnh sát điều tra (CQCSĐT), Công A quận T H đã ra thông báo truy tìm chiếc xe trên, hiện chưa thu Hí được. Qua xác minh xác định chiếc xe là của Ah Nguyễn THnh Đ, Ah Đ khai ngày 19/02/2019 Ah gửi xe cho ông D Văn C trông giữ, trong lúc ông C trông giữ đã bị T, G trộm cắp. Sau khi bị mất xe ông C đã tự nguyện bồi thường cho Ah số tiền 14.500.000đồng nên Ah không có yêu cầu bồi thường gì khác. Ông C xác nhận việc ông đã tự nguyện bồi thường cho Ah Đ số tiền 14.500.000đồng giá trị chiếc xe bị mất. Nay ông yêu cầu các bị cáo bồi thường cho ông số tiền giá trị chiếc xe là 12.000.000đồng theo kết luận định giá mà cơ quA tố tụng đã định giá, ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Tại Kết luận định giá T sản số 77/KL-HĐĐG ngày 03/5/2019 của Hội đồng định giá T sản tố tụng hình sự quận T H xác định: Chiếc xe máy Wave màu xAh BKS: 29E1-92959 trị giá 12.000.000đồng.

Vụ thứ 2: Ngày 24/02/2019, G điều khiển xe máy Dream không BKS của T, chở T đi lAg thAg, mục đích trộm cắp T sản. Khi đến nH số 35 Hoàng Như Tiếp, quận Long Biên, H N, phát hiện chiếc xe Honda Wave ZX BKS 90B2-90248 (SK/SM: 091660/5142467) của Ah Lê Đức D để trước cửa nH, không có người trông giữ. G đứng ngoài cánh giới, T xuống xe dùng vạm phá ổ khóa, lấy trộm chiếc xe trên. Sau đó T tháo vút BKS cũ đi và hỏi Trương Tuấn Ah (tên thường gọi “Cu Bé”, sinh năm 1994, HKTT: Tổ 35, cụm 6, A D, Y P, T H, H N) là bạn xã hội của T chỗ cầm xe, Tuấn Ah giới thiệu T với H1. T đã cầm cố, sau đó bán chiếc xe trên cho Ngô Văn H1 với giá 3.500.000đồng, tiền bán xe T chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua xe, H1 đã đưa cho Ah Hoàng Văn Đ (sinh năm 1994, Địa chỉ: Đoàn Kết, Tràng Định, Lạng Sơn) sử dụng. Ah Đ khai không biết chiếc xe trên do T, G trộm cắp mà có, sau khi biết sự việc, Ah Đ đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên và không có yêu cầu gì. CQĐT đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe cho Ah Lê Đức D, Ah D đã nhận lại xe, không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại Kết luận định giá T sản số 77/KL-HĐĐG ngày 03/5/2019 của Hội đồng định giá T sản tố tụng hình sự quận T H xác định: Chiếc xe máy Honda Wave ZX màu đỏ đen BKS 90B2-90248 trị giá 14.000.000đồng.

Vụ thứ 3: Ngày 26/3/2019, G điều khiển xe máy Dream không BKS của T, chở T đi lAg thAg, mục đích trộm cắp T sản. Khi đến số nH 14C ngõ 21 đường nước Phần LA, Tứ Liên, quận T H, H N phát hiện chiếc xe máy Honda Lead màu đỏ BKS 29F1-26729 (SK/SM: 159319/0324746) của chị Nguyễn Kim H để trước nH. T bảo G ở ngoài cánh giới, T dùng vạm phá ổ khóa trộm cắp chiếc xe. Sau đó T bán chiếc xe trên cho người P nữ có tên “Béo” tại khu vực vườn H Nguyễn Biểu, Ba Đình với giá 3.500.000đồng. Tiền bán xe T đã chi tiêu cá nhân hết. CQCSĐT đã ra thông báo truy tìm chiếc xe trên, hiện chưa thu Hi được. Chị H yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe trên với số tiền 30.000.000đồng.

Tại Kết luận định giá T sản số 77/KL-HĐĐG ngày 03/5/2019 của Hội đồng định giá T sản tố tụng hình sự quận T H xác định: Chiếc xe máy Honda Lead màu đỏ BKS: 29F1-26729 trị giá 25.000.000đồng.

Ngoài ra, T còn khai nhận đã thực hiện 02 vụ trộm T sản khác, cụ thể:

Vụ thứ 4: Ngày 18/3/2019, T mAg theo bộ vạm phá khóa, đi lAg thAg tại khu vực phố Ngọc Khánh, quận Ba Đình, mục đích trộm cắp T sản. Khi đến số 12 ngõ 94 Ngọc Khánh, phát hiện chiếc xe máy Honda Wave BKS 29G1-21124 (SK/SM: 472186/3272217) của Ah Lê Đình P không có người trông giữ, T đã dùng vạm phá khóa, lấy trộm chiếc xe trên. Sau đó vút BKS cũ đi, rồi bán xe cho H1 với giá 3.000.000đồng, tiền bán xe T đã chi tiêu cá nhân hết. Sau khi mua xe H1 lắp BKS 35H1-2204, mAg xe đến bãi gửi xe tại 19 Hng KHi, Hoàn Kiếm, H N. CQCSĐT đã thu Hi chiếc xe trên. Qua xác minh xác định đăng ký xe là ông Lê Đình Hải (sinh năm 1960, HKTT: Tổ 3, cụm chùa, Nhân Chính, ThAh Xuân, H N). Ông Hải khai chiếc xe trên là của ông mua và đã cho Ah Lê Đình P. Ah P có đơn xin lại xe, CQĐT đã Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe trên cho Ah P, Ah P đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường gì khác. Xác minh BKS 35H1-2204 là của chiếc xe Wave có SK/SM 00694/00063, chủ đăng ký là Vũ Đức Trọng (sinh năm 1979; HKTT:

Khương Niệm, Kim Sơn, Ninh Bình). Ah Trọng không có mặt tại nơi ĐKHKTT, chị Nguyễn Thị H (vợ Ah Trọng) khai: năm 2009, Ah Trọng mua chiếc xe Wave, đăng ký BKS là 35H1-2204, năm 2010 đã bán cho một người, chị không nhớ họ tên, địa chỉ.

Tại Kết luận định giá T sản số 77/KL-HĐĐG ngày 03/5/2019 Hội đồng định giá T sản tổ tụng hình sự quận T H xác định: Chiếc xe máy Honda Wave BKS 29G1-21124 trị giá 8.000.000đồng.

Vụ thứ 5: Ngày 14/4/2019, T mAg theo bộ vạm phá khóa, đi lAg thAg, khi đến số nH 17 Núi Trúc, Kim Mã, quận Ba Đình, H N phát hiện chiếc xe máy Honda Dream BKS 17N3-6243 (SK/SM: 060769/1360769) của Ah Vũ Đức H3 để trước nH, không ai trông giữ. T đã dùng vạm phá khóa, lấy trộm chiếc xe máy trên. Sau đó tháo vút BKS cũ, lắp BKS 29-L1844 và bán chiếc xe cho H1 với giá 2.000.000đồng, tiền bán xe T đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá T sản số 1442/KL-HĐĐG ngày 22/7/2019 của Hội đồng định giá T sản tổ tụng hình sự quận T H xác định: Chiếc xe máy Honda Dream BKS 17N3- 6243 trị giá 12.000.000đồng.

Qua điều tra, xác định đăng ký xe là ông Vũ Văn D (sinh năm 1967, HKTT: thôn Hưng Đạo Đ, Đ QuAg, Đ Hưng, Thái Bình). Ông D khai ông mua chiếc xe trên và đã cho chị Vũ Thị H (là con gái ông) quản lý, sử dụng. Ngày 14/4/2019 chị H cho Ah Vũ Đức H3 mượn để đi lại thì bị mất trộm. Khám xét nơi ở của Ngô Văn H1, CQCSĐT đã thu Hi chiếc xe trên và đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe trên cho chị H, chị H đã nhận lại xe và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Ngô Văn H1 khai: Ngoài các xe máy T đã bán cho H1 như trên, khoảng tháng 4/2019, T còn bán cho H1 01 chiếc xe Honda Dream BKS 29S9-12303 (không xác định được SK/SM) giá 3.500.000đồng. H1 đã bán lại chiếc xe này cho em họ là Phạm Văn H4 (sinh năm 1989; HKTT: Doi Sóc, Phù Chuân, Từ Sơn, Bắc Ninh) 6.000.000đồng. Ah H4 khai khi mua xe của H1 do là Ah em nên Ah không hỏi H1 nguồn gốc xe, sau khi biết sự việc, Ah H4 đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cho CQĐT và không có yêu cầu gì, T khai không bán chiếc xe này cho H1.

H1 có đơn đề nghị miễn bồi thường dân sự đối các xe máy H1 đã mua của T như trên.

CQĐT đã ra Quyết định khởi tố vụ án Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có ngày 06/5/2019. Ngày 01/10/2019 đã ra Quyết định tách vụ án Tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có cùng T liệu liên quA đến Ngô Văn H1, Trương Tuấn Ah để tiếp tục điều tra.

Cáo trạng số 171/CT-VKS ngày 01/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) quận T H đã truy tố Lê Tấn T về tội “trộm cắp T sản” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173, Phạm Tùng G về tội “trộm cắp T sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (BLHS).

Tại phiên tòa đại diện VKSND giữ nguY quA điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 đối với T; điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 đối với G. Xử phạt Lê Tấn T từ 42 (bốn mươi hai) đến 48 (bốn mươi tám) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 42 (bốn mươi hai) tháng tù của bản án số 179/2019/HSST ngày 16/9/2019, buộc bị cáo phải chấp Hnh hình phạt chung

của hai bản án. Xử phạt Phạm Tùng G từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông C giá trị chiếc xe máy Wave BKS: 29E1- 929.59 là 12.000.000đồng, mỗi bị cáo 6.000.000đồng. Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị H giá trị chiếc xe máy Honda Lead BKS 29F1-26729 là 25.000.000đồng, mỗi bị cáo 12.500.000đồng. Buộc Lê Tấn T phải truy nộp vào ngân sách NH nước số tiền 8.500.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở N Dng vụ án, căn cứ vào các T liệu trong H sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của người tham gia tố tụng, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về Hnh vi, quyết định tố tụng của CQĐT công A quận T H, Điều tra viên, VKSND quận T H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định của cơ quA tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Do đó các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quA tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

Tuy nhiên T liệu trong H sơ thể hiện: Ngô Văn H1 và Lê Tấn T đều khai Ngô Văn H1 biết rõ các T sản do T, G phạm tội mà có, sau đó T đem bán cho H1. Khi bán xe cho H1, T đều nói với H1 xe do T trộm cắp được, không có giấy tờ. H1 khai, H1 biết và nhận thức được các xe máy do T trộm cắp mà có nhưng đã nhiều lần T bán xe cho H1 không có giấy tờ, vì ham rẻ nên H1 vẫn mua. Sau khi mua H1 đã đem bán cho người khác kiếm lời, có xe H1 lắp biển số khác vào để sử dụng (các bút lục số 95,99,100,102,116-120,152-181). Quá trình điều tra, CQĐT đã lấy lời khai những người liên quA, tiến Hnh các hoạt động tố tụng khác. Lẽ ra CQĐT cần phải điều tra triệt để, kết luận cụ thể về Hnh vi tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có để xử lý theo quy định của pháp luật. Nhưng ngày 01/10/2019 CQCSĐT Công A quận T H đã ra Quyết định tách vụ án tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có liên quA đến Ngô Văn H1, Trương Tuấn Ah để tiếp tục điều tra. Ngày 29/11/2019 TAD quận T H đã trả H sơ cho VKSND quận T H để điều tra bổ sung làm rõ về Hnh vi của Ngô Văn H1, Trương Tuấn Ah về Hnh tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có để giải quyết vụ án được khách quA, toàn diện. Tuy nhiên VKSND quận T H vẫn giữ nguY quyết định truy tố, do vậy HĐXX không có căn cứ xem xét.

Kiến nghị CQCSĐT Công A quận T H, VKSND quận T H tiếp tục điều tra vụ án tiêu thụ T sản do người khác phạm tội mà có liên quA đến Ngô Văn H1, Trương Tuấn Ah theo quy định của pháp luật.

[2] Về N Dng: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại CQĐT và các T liệu khác có trong H sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Để có tiền tiêu xài cá nhân Lê Tấn T, Phạm Tùng G đã thực hiện những vụ trộm cắp T sản như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 19/02/2019, tại ngõ 20 phố Quảng Khánh, phường Quảng A, quận T H, Lê Tấn T và Phạm Tùng G đã trộm cắp chiếc xe máy Wave BKS: 29E1-929.59 của ông D Văn C, có trị giá 12.000.000đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 24/02/2019, tại 84 Hoàng Như Tiếp, phường Bồ Đề, quận Long Biên, H N, Lê Tấn T và Phạm Tùng G đã trộm cắp chiếc xe máy Honda Wave ZX BKS 90B2-90248 của Ah Lê Đức D, có trị giá: 14.000.000đồng.

Vụ thứ ba: Ngày 26/3/2019, tại số nH 14C ngõ 21 đường nước Phần LA, Tứ Liên, quận T H, H N, Lê Tấn T và Phạm Tùng G đã trộm cắp chiếc xe máy Honda Lead màu đỏ BKS 29F1-26729 của chị Nguyễn Kim H có trị giá 25.000.000đồng.

Tổng giá trị T sản G trộm cắp cùng T trong 03 vụ là 51.000.000đồng.

Ngoài ra, Lê Tấn T còn thực hiện 02 vụ trộm cắp khác gồm:

Vụ thứ 4: Ngày 18/3/2019, tại số 12 ngõ 94 Ngọc Khánh, Ba Đình, H N, Lê Tấn T đã trộm cắp chiếc xe máy Honda Wave BKS 29G1-21124 của Ah Lê Đình P, có trị giá 8.000.000đồng.

Vụ thứ 5: Ngày 14/4/2019, tại số nH 17 Núi Trúc, Kim Mã, quận Ba Đình, H N, Lê Tấn T đã trộm cắp chiếc xe máy Honda Dream BKS 17N3-6243 của Ah Vũ Đức H3, có trị giá 12.000.000đồng.

Tổng giá trị T sản T trộm cắp trong 05 vụ là 71.000.000đồng.

Hnh vi của các bị cáo đã cấu tHnh tội “Trộm cắp T sản”, Cáo trạng của VKSND quận T H truy tố Lê Tấn T về tội “trộm cắp T sản” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173, Phạm Tùng G về tội “trộm cắp T sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS là đúng quy định của pháp luật.

Hnh vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu T sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị A trong khu vực, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích tư lợi. Do vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời giA đủ để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất đồng phạm và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, HĐXX xét thấy: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, các bị cáo có quen biết nhau từ trước, cùng rủ nhau đi trộm cắp T sản, sau đó mAg đi tiêu thụ và cùng nhau hưởng lợi.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: HĐXX xét thấy, các bị cáo đều có nhân thân xấu: Bị cáo T có 02 tiền án: Ngày 29/8/2017, TAD quận T H xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp T sản, chấp Hnh xong hình phạt tù ngày 02/9/2018, chưa được xóa án tích. Ngày 16/9/2019, TAD quận Hoàn Kiếm xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp T sản, Quyết định thi Hnh án tù số 196/2019/QĐ-CA ngày 23/10/2019. Năm 2004 công A TP H N xử phạt Hnh chính về Hnh vi Gây rối trật tự công cộng; Năm 2013 đi cai nghiện bắt buộc. Bị cáo G: Ngày 01/8/2012, bị công A phường Ngọc H xử phạt Hnh chính về Hnh vi tàng trữ vũ khí thô sơ.

Đối với bị cáo T thực hiện Hnh vi phạm tội lần này cùng thời điểm phạm tội bị TAD quận Hoàn Kiếm truy tố, xét xử ngày 16/9/2019 nên lần phạm tội này không xác định là tái phạm nguy hiểm mà áp dụng tình tiết tăng nặng: Tái phạm. Về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo tHnh khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51BLHS.

Đối với bị cáo G: Tình tiết tăng nặng: Phạm tội nhiều lần. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo đầu thú, tHnh khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ông D Văn C bị T, G trộm cắp chiếc xe Wave BKS: 29E1- 92959 có giá trị 12.000.000đồng, ông C yêu cầu các bị cáo bồi thường cho ông số tiền 12.000.000đồng theo kết luận định giá mà cơ quan tố tụng đã định giá. Xét thấy, sau khi trộm cắp chiếc xe trên các bị cáo đã bán và chia nhau tiền tiêu xài hết, hiện chưa thu Hi được chiếc xe trên nên buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho ông C số tiền 12.000.000đồng, mỗi bị cáo là 6.000.000đồng.

Ah Lê Đức D bị T, G trộm cắp chiếc xe Wave ZX BKS 90B2-90248, sau đó T đã cầm cố rồi bán chiếc xe trên cho Ngô Văn H1 với giá 3.500.000đồng. CQĐT đã thu Hi được chiếc xe trên và ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe cho Ah D, Ah D đã nhận lại xe, không có yêu cầu bồi thường gì khác. H1 không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã mua chiếc xe trên. Xét thấy đây là tiền thu lợi bất chính. Việc T khai chia cho G 1.000.000đồng trong số tiền bán xe, G khai không được T chia tiền bán xe này, ngoài lời khai của T không có T liệu gì chứng minh nên buộc T phải truy nộp số tiền 3.500.000đồng đã bán xe Wave ZX BKS 90B2-90248 cho H1 vào ngân sách NH nước.

Chị Nguyễn Kim H bị T, G trộm cắp 01 xe Honda Lead BKS: 29F1- 267.29, sau đó T đã bán chiếc xe trên, cả hai chia nhau tiền tiêu xài hết, hiện chưa thu Hi được chiếc xe trên, chị H yêu cầu các bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe 30.000.000đồng. Tuy nhiên tại kết luận định giá T sản số 77/KL-HĐĐG ngày 03/5/2019 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự quận T H xác định: Chiếc xe máy Honda Lead BKS: 29F1-26729 trị giá 25.000.000đồng nên chấp nhận một phần yêu cầu của chị H, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho chị H số tiền 25.000.000đồng là trị giá chiếc xe, mỗi bị cáo là 12.500.000đồng.

Ah Lê Đình P bị T trộm cắp chiếc xe Honda Wave BKS 29G1-21124 CQĐT đã thu Hi được chiếc xe và ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe cho Ah P, Ah P đã nhận lại T sản, không có yêu cầu gì khác nên không xét.

Ah Vũ Đức H3 bị T trộm cắp chiếc xe Honda Dream BKS 17N3-6243 (Ah H3 mượn của chị Vũ Thị H).T bán chiếc xe máy trên cho H1 với giá 2.000.000đồng. CQĐT đã thu Hi được chiếc xe và ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe cho chị H. Chị H, đã nhận lại T sản, Ah H3, chị H không có yêu cầu gì khác nên không xét. H1 không yêu cầu T trả lại số tiền đã mua chiếc xe trên. Buộc T phải truy nộp số tiền 2.000.000đồng thu lợi bất chính từ bán chiếc xe trên vào ngân sách NH nước.

[5] Về vật chứng vụ án: Không có

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

TuY bố bị cáo Lê Tấn T, bị cáo Phạm Tùng G phạm tội “Trộm cắp T sản”.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, 56 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Lê Tấn T 46 (bốn mươi sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với hình phạt 42 (bốn mươi hai) tháng tù tại bản án số 179/2019/HSST ngày 16/9/2019

của TAD quận Hoàn Kiếm. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 88 (tám mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2019.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Tùng G 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 28/4/2019 đến ngày 07/5/2019.

Áp dụng các Điều 331, 333, 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về trách nhiệm dân sự:

+/- Buộc bị cáo Lê Tấn T, bị cáo Phạm Tùng G phải liên đới bồi thường cho ông D Văn C số tiền 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), mỗi bị cáo 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

+/- Buộc bị cáo Lê Tấn T, bị cáo Phạm Tùng G phải liên đới bồi thường cho chị Nguyễn Kim H số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), mỗi bị cáo 12.500.000đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Lê Tấn T phải truy nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 8.500.000đ (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo Lê Tấn T, bị cáo Phạm Tùng G mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 925.000đ (chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, Hạng trưởng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày thụ án.

Ông D Văn C, Ah Nguyễn Thành Đ, có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày thụ án.

Ah Lê Đức D, chị Nguyễn Kim H, Ah Lê Đình P, Ah Vũ Đức H3, Ah Ngô Văn H1 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng Đ họp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.